



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

CHƯƠNG IV: CHO VAY TIÊU DÙNG

*Giảng viên Mai Thị Hồng
Khoa Tài chính - Ngân hàng*

FOREIGN TRADE
UNIVERSITY



NỘI DUNG

I. Giới thiệu chung về cho vay tiêu dùng

II. Các hình thức cho vay tiêu dùng

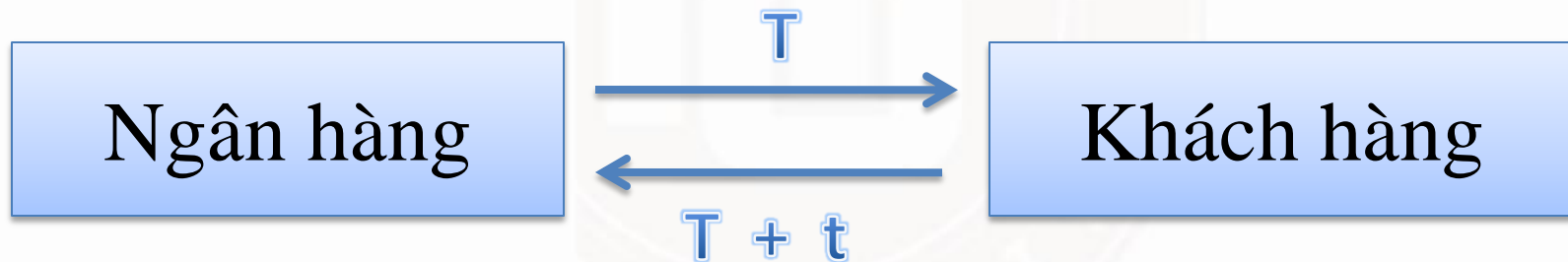
III. Kỹ thuật nghiệp vụ cho vay tiêu dùng



I. Giới thiệu chung về cho vay tiêu dùng

1. Khái niệm:

Cho vay tiêu dùng là các khoản vay nhằm tài trợ cho nhu cầu chi tiêu của người tiêu dùng, bao gồm cá nhân và hộ gia đình





Một số sản phẩm cho vay tiêu dùng

- Sản phẩm cho vay tiêu dùng là các nhu cầu cá nhân như:
 - Mua, sửa chữa nhà ở
 - Mua sắm tiện nghi: ô tô, xe máy, ti vi, tủ lạnh...
 - Các nhu cầu tinh thần: học tập, hôn lễ, du lịch...



I. Giới thiệu chung về cho vay tiêu dùng

2. Đặc điểm của cho vay tiêu dùng:

- Có tính nhạy cảm theo chu kỳ;
- Quy mô tín dụng tiêu dùng nhỏ;
- Lãi suất cao;
- Khách hàng kém nhạy cảm với lãi suất;
- Chất lượng thông tin khách hàng cung cấp không cao;
- Nguồn trả nợ không ổn định;



I. Giới thiệu chung về cho vay tiêu dùng

2. Đặc điểm của cho vay tiêu dùng:

Nguồn trả nợ phụ thuộc vào nhiều yếu tố:

- ✓ Chu kỳ của nền kinh tế
- ✓ Cơ cấu nền kinh tế
- ✓ Thu nhập của khách hàng
- ✓ Trình độ của khách hàng
- ✓ Sự cố bất thường của khách hàng
- ✓ Tư cách của người đi vay



I. Giới thiệu chung về cho vay tiêu dùng

3. Lợi ích của cho vay tiêu dùng:



Lợi ích

Ngân hàng

- Đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng
- Mở rộng quan hệ ngân hàng – khách hàng
- Dễ dàng hơn trong việc thu hút tiền gửi

Khách hàng

- Thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng
- Được đáp ứng nhu cầu tốt nhất

Nền kinh tế

- Thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng



II. Các hình thức cho vay tiêu dùng

Theo mục đích vay

- Cho vay tiêu dùng cư trú
- Cho vay tiêu dùng phi cư trú

Theo nguồn gốc cho vay

- Cho vay tiêu dùng trực tiếp
- Cho vay tiêu dùng gián tiếp

Theo phương thức hoàn trả

- Cho vay tiêu dùng trả góp
- Cho vay tiêu dùng phi trả góp
- Cho vay tiêu dùng tuần hoàn



Theo mục đích vay

- Cho vay tiêu dùng cư trú: Khoản cho vay nhằm tài trợ nhu cầu mua sắm, xây dựng hoặc cải tạo nhà ở của khách hàng
- Cho vay tiêu dùng phi cư trú: Khoản cho vay tiêu dùng nhằm tài trợ cho khoản chi phí mua sắm xe cộ, đồ dùng gia đình, chi phí học hành...



Hình thức nào an toàn hơn?

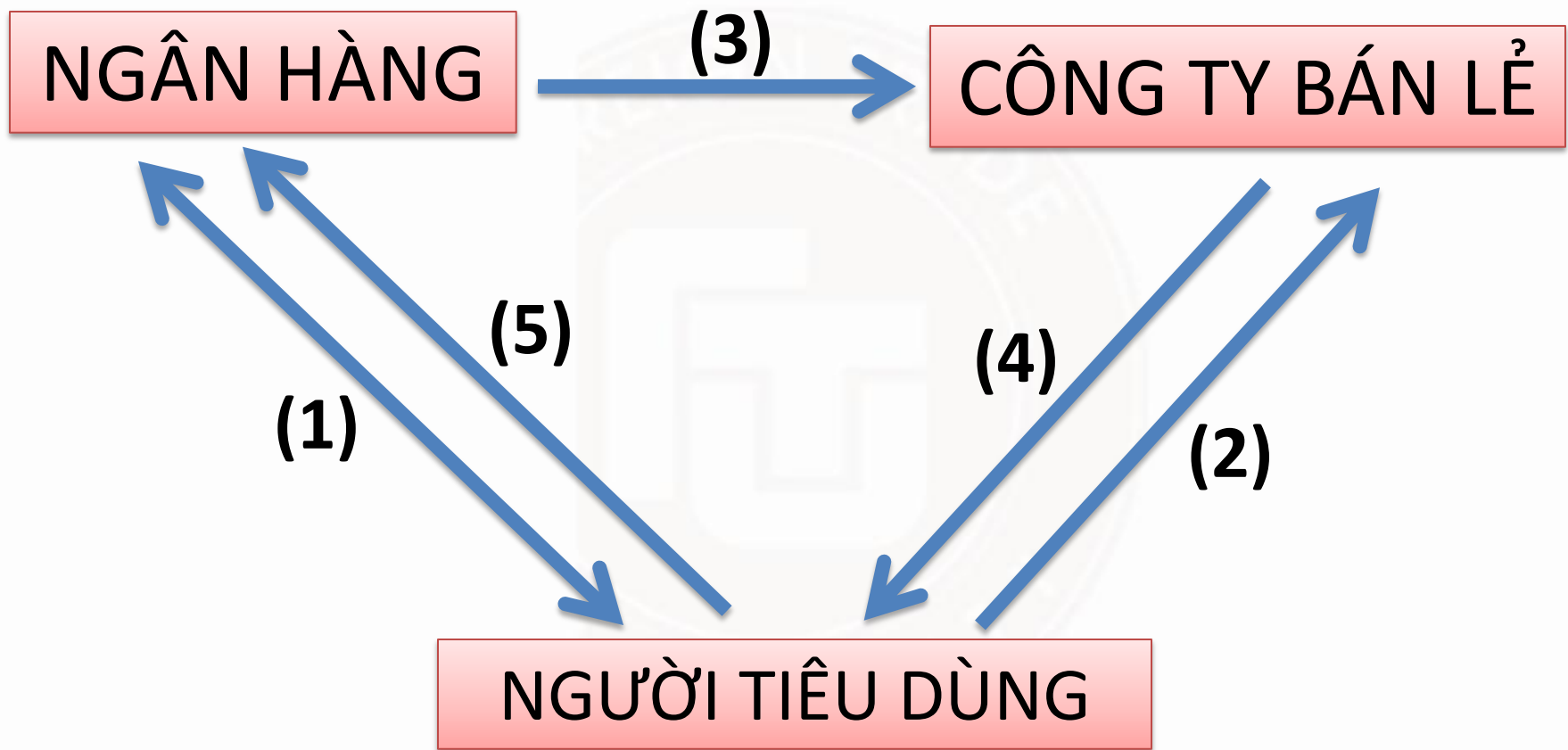


Theo nguồn gốc cho vay

- Cho vay trực tiếp: Ngân hàng trực tiếp giao dịch với khách hàng (tiếp xúc cho khách hàng cho vay và thu nợ)
- Nếu chỉ có hai chủ thể là ngân hàng và khách hàng



Cho vay trực tiếp





Cho vay trực tiếp

- 1) Ngân hàng và người tiêu dùng ký kết hợp đồng cho vay
- 2) NTD đến công ty bán lẻ mua hàng và trả một phần giá trị hàng hóa
- 3) NH trả cho công ty phần còn thiếu
- 4) Công ty bán lẻ chuyển hàng cho NTD
- 5) NTD trả tiền nợ cho NH bằng vốn + lãi



Cho vay trực tiếp

- Ưu điểm
 - Tận dụng được sở trường của cán bộ tín dụng
 - Linh hoạt hơn so với cho vay tiêu dùng gián tiếp
 - Nhiều lợi thế phát sinh
- Nhược điểm
 - Hạn chế mở rộng khách hàng
 - Hạn chế việc tăng doanh số và giảm chi phí

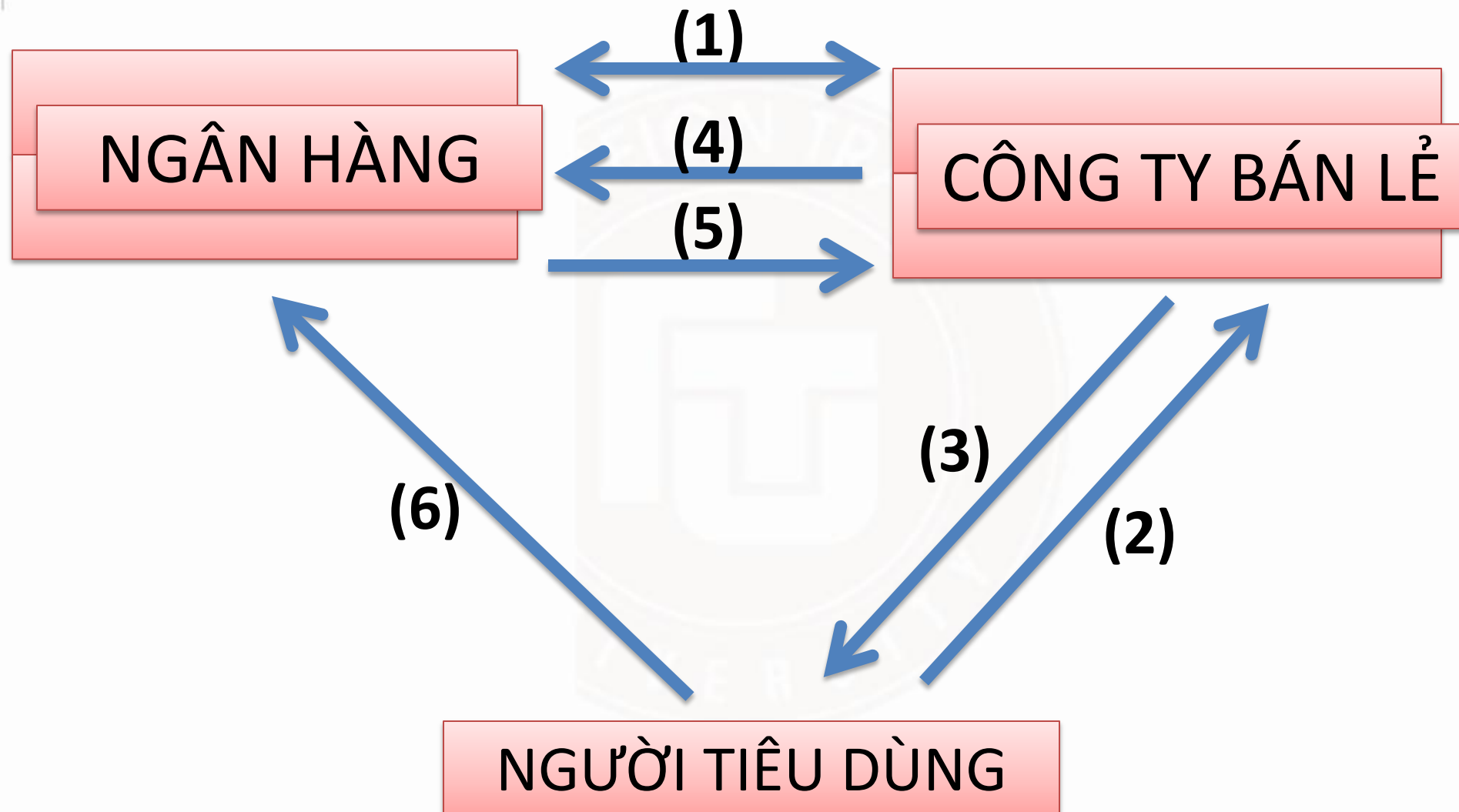


Cho vay gián tiếp

- Cho vay gián tiếp: NH mua các khoản nợ phát sinh do những công ty bán lẻ đã bán chịu hàng hóa hay dịch vụ cho người tiêu dùng
- Cho vay tiêu dùng gián tiếp có thể thỏa thuận truy đòi hoặc miễn truy đòi.



Cho vay gián tiếp





Cho vay gián tiếp

- 1) NH và công ty bán lẻ ký kết hợp đồng mua bán nợ
- 2) NTD đến công ty bán lẻ mua hàng và trả một phần giá trị
- 3) Công ty giao hàng cho NTD
- 4) Công ty bán lẻ chuyển toàn bộ giấy tờ hồ sơ cho NH
- 5) NH thanh toán tiền còn thiếu cho cty
- 6) NTD thanh toán với NH



Cho vay gián tiếp

- Tài trợ toàn bộ
- Tài trợ truy đòi hạn chế
- Tài trợ miễn truy đòi
- Tài trợ có mua lại



Cho vay gián tiếp

- Ưu điểm
 - Cho phép NH dễ tăng doanh số, giảm chi phí cho vay
 - Mở rộng quan hệ với khách hàng
- Nhược điểm
 - NH không trực tiếp tiếp xúc với NTD, kiểm soát NTD qua công ty bán lẻ
 - Kỹ thuật nghiệp vụ cho vay tiêu dùng gián tiếp phức tạp



Hình thức nào an toàn hơn?



Theo phương thức hoàn trả

CVTD trả góp

- Cho vay tiêu dùng trả góp: Là hình thức CVTD trong đó người đi vay trả nợ (gốc + lãi) cho NH nhiều lần, theo những kỳ hạn nhất định trong thời hạn vay.
- Phương thức xác định số tiền thanh toán định kỳ
 - 3 phương pháp:
 - Phương pháp lãi đơn
 - Phương pháp hiện giá
 - Phương pháp gộp



Phương pháp lãi đơn

- Ngân hàng chia đều số vốn gốc phải trả cho các kỳ, lãi được tính trên số dư nợ thực tế

$$a = v + l$$

$$v = V/n$$

- a : số tiền trả hàng kỳ
- V : số tiền gốc
- n : số kỳ trả nợ
- l : số lãi phải trả mỗi kỳ



Phương pháp lãi đơn

- Ví dụ:

NH cấp một khoản tín dụng cho vay tiêu dùng trị giá 600 triệu, lãi suất 20%/năm, vay 3 năm, định kỳ thanh toán 1 năm/lần vào cuối năm. Tính số tiền lãi mà KH phải trả hàng năm theo phương pháp lãi đơn



Phương pháp lãi đơn

- $LS \text{ thực tế} = \frac{\text{Số tiền lãi thực tế phải trả 1 kỳ}}{\text{Số tiền thực tế cấp TD 1 kỳ}}$

(LS thực tế = LS hiệu dụng)



Phương pháp gộp

- Ngân hàng tính lãi trên cơ sở toàn bộ vốn tài trợ trong thời hạn cho vay và sau đó cộng với vốn gốc và chia đều cho mỗi kỳ trả nợ

$$a = (V + L)/n$$

a: số tiền trả hàng kỳ

V: vốn gốc

L: tổng số tiền lãi phải trả

n: số kỳ hạn



Phương pháp gộp

- Công thức tính LS hiệu dụng

$$i_{hd} = \frac{2 \cdot m \cdot L}{V(n + 1)}$$

m: số kỳ trả nợ trong 1 năm

L: tổng lãi phải trả

V: tổng giá trị cho vay

n: tổng số kỳ hạn trả nợ trong suốt thời gian vay



Phương pháp gộp

- Trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn

Trong phương pháp gộp thì gốc và lãi trả đều, nhưng do dư nợ gốc tại thời điểm đầu kỳ lớn hơn dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ, nên khi khách hàng trả nợ trước hạn sẽ có một số tiền lãi phải thu từ khách hàng.

Đối với trường hợp này chúng ta áp dụng Quy tắc 78

Quy
tắc 78



```
graph TD; A([Quy tắc 78]) --- B([Kỳ 1]); A --- C([Kỳ 2]); A --- D([ ]); A --- E([ ]); A --- F([Kỳ 12]);
```

The diagram illustrates the structure of Quy tắc 78. It features a central green oval at the top labeled 'Quy tắc 78'. A horizontal blue line with five vertical connectors extends from this oval to a row of five green ovals below. The first oval on the left is labeled 'Kỳ 1', the second 'Kỳ 2', the third is empty, the fourth is empty, and the fifth on the right is labeled 'Kỳ 12'. A faint watermark of the Foreign Trade University seal is visible in the background.

Kỳ 1

Kỳ 2

Kỳ 12



Quy tắc 78

Ngân hàng giải ngân 1 khoản vay $V = 12v$, thời gian vay là 1 năm, kỳ hạn trả nợ 1 tháng/1 lần. Đến tháng thứ 3, khách hàng đề nghị trả toàn bộ nợ vay. Ngân hàng sẽ xử lý như thế nào?



Bài tập

- NH Sacombank tài trợ cho khách hàng Thành Tâm mua trả góp một chiếc ô tô Santa Fe với giá trị 700 triệu đồng. Theo hợp đồng Mr. Tâm phải trả nợ định kỳ 1 năm/lần trong vòng 4 năm. Lãi suất cho vay trong hợp đồng là 20%.
- Yêu cầu:
 - Tính mức lãi suất hiệu dụng nếu NH áp dụng phương pháp gộp.
 - Nếu hết năm thứ 3, Mr. Tâm đề nghị được trả toàn bộ nợ trước hạn, NH xử lý ntn?



Phương pháp hiện giá

- Tổng số tiền khách hàng phải trả trong từng thời kỳ là bằng nhau, lãi được tính trên số dư nợ còn lại.

$$a = v + I$$

Thanh toán đầu kỳ: $a = \frac{V \cdot r(1 + r)^n}{[(1 + r)^n - 1](1 + r)}$

Thanh toán cuối kỳ: $a = \frac{V(1 + r)^n \cdot r}{(1 + r)^n - 1}$



Bài tập

Một công ty bán lẻ bán chịu một chiếc xe máy với giá trị 80 triệu đồng cho một người tiêu dùng. Theo hợp đồng người tiêu dùng sẽ thanh toán hàng tháng, theo phương pháp hiện giá, lãi suất 15%/năm, trong vòng 3 năm.

Yêu cầu: Tính số tiền khách hàng trả công ty bán lẻ hàng tháng với cả 2 trường hợp đầu kỳ và cuối kỳ



Cho vay phi trả góp

- Tiền vay được khách hàng thanh toán cho ngân hàng chỉ 1 lần khi đến hạn.
- Thường các khoản cho vay tiêu dùng phi trả góp được cấp cho các khoản vay có giá trị nhỏ và có thời hạn không dài,
- Ví dụ: cho vay mua xe máy, hay ô tô rẻ trong thời gian 6 tháng



Cho vay tiêu dùng tuần hoàn

- NH cho phép KH sử dụng thẻ tín dụng hoặc phát hành một loại séc được phép thấu chi dựa trên tài khoản vãng lai.
- Lãi mỗi kỳ có thể tính như sau:
 - ✓ Tính toán dựa trên số dư nợ **lãi điều chỉnh**
 - ✓ Tính toán dựa trên số dư nợ **chưa điều chỉnh**
 - ✓ Tính toán dựa trên số dư nợ **bình quân**



III. KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ CHO VAY TIÊU DÙNG

1. Phỏng vấn và hướng dẫn KH lập hồ sơ vay vốn
2. Thẩm định các mức độ đáp ứng điều kiện vay vốn
3. Xác định số tiền, phương thức, lãi suất, thời gian cho vay và định kỳ trả nợ
4. Lập tờ trình thẩm định, soạn hợp đồng, trình duyệt cho vay
5. Công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm, giao nhận giấy tờ TSBĐ
6. Giải ngân, thu nợ, gốc, lãi và giám sát món vay
7. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ
8. Giải chấp TSBĐ và thanh lý HĐ



3.1 Lập hồ sơ vay vốn

- Giấy đề nghị vay vốn.
- Tài liệu chứng minh năng lực pháp lý (Chứng minh thư, sổ hộ khẩu...)
- Các tài liệu thông tin : nghề nghiệp ,nguồn thu nhập, tình trạng gia đình, học vấn...)
- Các tài liệu thuyết minh khoản tín dụng : nhu cầu chi phí, mức vốn tự có, nhu cầu vay...
- Các tài liệu về đảm bảo tiền vay (nếu có) : tài sản cầm cố, thế chấp, cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.



3.2 Thẩm định cho vay tiêu dùng

- Năng lực pháp lý của khách hàng
- Độ tin cậy của khách hàng (tư cách, uy tín)
- Mục đích tín dụng
- Năng lực hoàn trả
- Các đảm bảo tín dụng



3.2 Thẩm định cho vay tiêu dùng

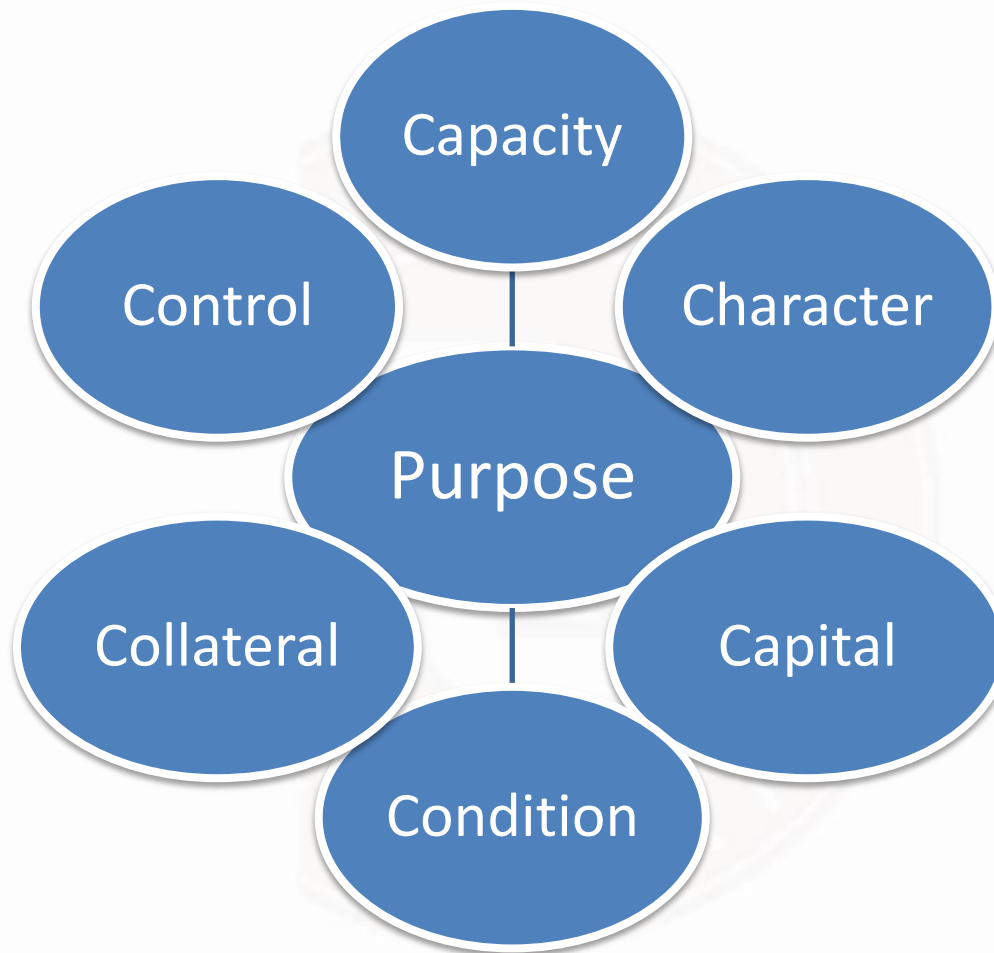
- Mục đích tín dụng :
 - ✓ Cư trú
 - ✓ Mua sắm tiện nghi
 - ✓ Đào tạo, y tế, giải trí
 - ✓ Nhu cầu khác....
- Khả năng tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng:
 - ✓ Vốn tự có tham gia tối thiểu của KH
 - ✓ Giới hạn mức cho vay đối với KH
 - ✓ Đánh giá thu nhập của KH và người liên quan
 - ✓ Nghĩa vụ tài chính của KH với các tổ chức khác
- Nguồn trả nợ: Nguồn thu nhập như thế nào? Định trích bao nhiêu % trả nợ...



Phương pháp thẩm định CVTD

- Phương pháp truyền thống:
 - Mô hình 5C
 - Mô hình 6C + P
- Phương pháp hiện đại:
 - Phương pháp điểm số
 - Hệ thống điểm số

Mô hình 6C + P





Phương pháp điểm số

Chỉ cần nhập dữ liệu vào phần mềm

B1: Xây dựng tiêu thức tác động đến khả năng trả nợ của khách hàng

B2: Xác định điểm số cho từng tiêu thức

B3: Xác định điểm chuẩn

B4: Sử dụng mô hình để tính điểm cho khách hàng



Phương pháp điểm số

- Hệ thống điểm số là một tập hợp các tiêu thức khác nhau liên quan đến từng KH vay tiêu dùng
- Mỗi tiêu thức có một thang điểm số khác nhau tùy theo tình trạng và tầm quan trọng trong hệ thống các tiêu thức
- Dữ liệu chấm điểm là dữ liệu được thống kê trong quá khứ



Xác định hạn mức, lãi suất, thời gian cho vay và định kỳ trả nợ

- Xác định hạn mức tín dụng tiêu dùng:

Thông thường hạn mức tín dụng tiêu dùng là số dư nợ tối đa mà NH có thể cấp tín dụng cho một cá nhân (hay hộ gia đình) trong một kỳ

- Phương pháp xác định tổng quát:

HM_{TD} = Tổng chi phí- vốn tự có tham gia



3. Xác định hạn mức, lãi suất, thời gian cho vay và định kỳ trả nợ

- Xác định thời hạn cho vay:

Tùy từng mục đích vay, đối tượng khách hàng mà kỳ hạn tín dụng tiêu dùng khác nhau

- Công thức:

$$T = \frac{V}{S}$$

Trong đó:

T là thời hạn cho vay (năm)

V là tổng số tiền vay (gốc)

S là nguồn trả nợ khả dụng/năm



Xác định hạn mức, lãi suất, thời gian cho vay và định kỳ trả nợ

- Xác định lãi suất cho vay:

- ✓ Căn cứ xác định lãi suất:

- Lãi suất thị trường
- Thời hạn vay
- Mức vay
- Loại khách hàng

- ✓ Công thức tổng quát:

Lãi suất cho vay = Lãi suất huy động + phí cho vay

- ✓ Việc xác định lãi suất cụ thể còn phụ thuộc vào phương pháp tính lãi



3.6 Giám sát khoản vay

- Sự ổn định tài chính của người vay (chủ yếu là thu nhập)
- Mục đích vay
- Các đảm bảo
- Tiến độ trả nợ
- Diễn biến dư nợ trên tài khoản vãng lai



Bài tập

- Ông A vay trả góp NH Liên Việt để mua một chiếc ô tô trị giá 1000 tr.đ, tỷ lệ vốn đối ứng của ông A tham gia là 30%, phần còn lại NH Liên Việt cho ông A vay. Thời hạn vay là 3 năm (36 tháng). Định kỳ thanh toán là hàng tháng. Lãi suất là 18%/năm. Hãy tính số tiền vay mà ông A phải trả hàng tháng theo 3 phương pháp:
- *(1) Phương pháp lãi gộp*
- *(2) Phương pháp lãi đơn*
- *(3) Phương pháp hiện giá*



Bài tập

Gia đình bà Lê Trang cần 150 triệu để cải tạo ngôi nhà đang ở và đề nghị ngân hàng VP Bank cho vay trả góp, TSBD là chính ngôi nhà. VP Bank đồng ý cho vay 70% giá trị với lãi suất 16%/năm, thời gian vay 3 năm.

Định kỳ thanh toán tiền vay: phương pháp lãi đơn và phương pháp hiện giá là hàng năm; phương pháp gộp là hàng tháng

Yêu cầu: 1, Tính số tiền phải trả theo định kỳ với cả 3 phương pháp

2, Nếu KH mua trả nợ trước 4 tháng theo phương pháp gộp thì đến tháng thứ 32 KH phải trả thêm cho NH bao nhiêu?